

Bản án số: 35/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 31-5-2019
V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia
đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Hận

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Tấn Tài

Ông Dư Thanh Hồng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Như Ý, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 04/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Hằng M, sinh năm 2000 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp 8, xã Khánh Hòa, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- ***Bị đơn:*** Anh Nguyễn Thế L, sinh năm 1997 (có đơn xin vắng mặt)

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Bà Dương Mỹ D, sinh năm 1976 (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 8, xã Khánh Tiến, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 12 năm 2018, tại biên bản hòa giải ngày 21 tháng 01 năm 2019 và tại phiên tòa nguyên đơn Chị Nguyễn Hằng M trình bày:* Chị và Anh Nguyễn Thế L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2018, có tổ chức đám cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống trong thời gian khoảng 06 tháng thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh L không lo làm ăn lo cho cuộc sống gia đình và cha, mẹ chồng khó khăn nên vợ chồng đã sống ly thân khoảng 04 tháng nay. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh L nên

chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh L. Về con chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Khi cưới cha, mẹ chồng cho vợ chồng chị 02 cây vàng 24k, cha, mẹ ruột chị cho riêng chị 13 chỉ vàng 18k và 05 chỉ vàng 24k. Sau khi cưới 07 ngày mẹ chồng chị là Bà Dương Mỹ D mượn lại 02 cây vàng 24k, còn anh L mượn 01 cây vàng 18k và số tiền 8.500.000 đồng. Việc bà D mượn vàng thì không có làm giấy tờ gì, còn đối với việc anh L mượn vàng, tiền thì chị có ghi âm lại.

Tại phiên tòa chị không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với yêu cầu bà D trả lại 02 cây vàng 24k để chị với anh L chia theo quy định của pháp luật và chị không yêu cầu anh L trả lại tài sản riêng của chị gồm 01 cây vàng 18k và 8.500.000 đồng.

** Tại biên bản hòa giải ngày 21 tháng 01 năm 2019 và tại đơn yêu cầu ngày 20 tháng 5 năm 2019 bị đơn Anh Nguyễn Thế L trình bày:* Anh thống nhất về thời gian chung sống, không có đăng ký kết hôn, không có con chung và nợ chung đúng như Chị M trình bày. Còn về nguyên nhân mâu thuẫn không đúng như Chị M trình bày, mà nguyên nhân mâu thuẫn là do cha, mẹ vợ cứ mượn vợ anh về nhà hoài nên vợ chồng mới xảy ra mâu thuẫn. Nay Chị M yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn. Đối với tài sản chung thì anh không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh yêu cầu Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử. Đồng thời do anh bận đi làm ăn ở xa nên đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh.

** Tại biên bản hòa giải ngày 21 tháng 01 năm 2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Dương Mỹ D trình bày:* Khi tổ chức đám cưới vợ chồng bà có cho vợ chồng M, L 02 cây vàng 24k nên đây là tài sản của vợ chồng M, L. Việc Chị M trình bày bà có mượn 02 cây vàng 24k là không đúng vì bà không có mượn vàng của Chị M. Đồng thời do bận công việc buôn bán nên bà đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị M khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh L là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa anh L, bà D đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh L, bà D.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị M với anh L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2018 nhưng không có đăng ký kết hôn, nên quan hệ hôn nhân giữa Chị M với anh L không được pháp luật bảo vệ. Xét thấy hôn nhân giữa Chị M với anh L có nhiều mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời hôn nhân vi phạm về mặt hình thức nên Chị M và anh L không được công nhận quan hệ là vợ chồng.

Về con chung, nợ chung: Chị M với anh L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Xét thấy Chị M rút lại yêu cầu chia tài sản. Do đó Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung và đối với yêu cầu anh L trả lại tài sản riêng của Chị M.

Về án phí: Án phí hôn nhân và đình sơ thẩm Chị M phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 244; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 14, 53, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

** Tuyên xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Chị Nguyễn Hằng M với Anh Nguyễn Thế L.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu của Chị Nguyễn Hằng M về việc yêu cầu anh L trả lại tài sản riêng của chị gồm 01 cây vàng 18k và 8.500.000 đồng và đối với yêu cầu bà D trả lại 02 cây vàng 24k để chị với anh L chia theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình Chị Nguyễn Hằng M phải chịu 300.000 đồng, ngày 27 tháng 12 năm 2018 Chị M đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.450.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004136 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được đối trừ. Chị Nguyễn Hằng M được nhận lại số tiền 1.150.000 đồng.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Án xử sơ thẩm Chị Nguyễn Hằng M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Riêng Anh Nguyễn Thế L, Bà Dương Mỹ D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoài Hận